

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 34



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Liên	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2014)
Ông Phạm Đăng Nam	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2014)
Ông Phạm Việt Anh	Thành viên
Ông Trịnh Hữu Hiền	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013)
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Mai Thế Toàn	Thành viên
Ông Trịnh Trọng Thành	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thế Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Khắc Đô	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 9 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2014

Số: 330 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 16 của Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong đó trình bày sự thay đổi từ phân bổ chi phí thực tế phát sinh sang trích trước chi phí của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty liên quan đến việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Nếu việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được tiếp tục sử dụng như trước đây, chi phí giá vốn trong năm 2013 và số dư chi phí phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm với số tiền là 36.031.600.000 đồng, theo đó lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2013 sẽ tăng với số tiền tương ứng.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0395-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		2.225.425.032.585	2.476.842.968.796
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.004.272.033.769	544.494.085.516
1. Tiền	111		131.272.033.769	83.494.085.516
2. Các khoản tương đương tiền	112		873.000.000.000	461.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.097.421.912.677	1.899.801.884.723
1. Phải thu khách hàng	131		572.494.776.087	945.410.655.499
2. Trả trước cho người bán	132		5.285.057.963	444.273.303.427
3. Các khoản phải thu khác	135	6	550.090.494.070	548.066.719.594
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(30.448.415.443)	(37.948.793.797)
III. Hàng tồn kho	140		62.423.813.874	23.568.693.229
1. Hàng tồn kho	141	7	62.423.813.874	23.568.693.229
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		61.307.272.265	8.978.305.328
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.635.817.246	2.795.360.365
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		54.935.885.218	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	5.187.488.348
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.735.569.801	995.456.615
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		4.958.550.048.221	3.216.544.462.998
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.876.818.692.040	1.337.875.007.011
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	1.876.818.692.040	1.337.875.007.011
II. Tài sản cố định	220		1.637.691.159.116	607.459.331.152
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.637.442.904.195	595.814.592.831
- Nguyên giá	222		2.218.788.249.450	1.077.057.320.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(581.345.345.255)	(481.242.727.621)
2. Tài sản cố định vô hình	227		248.254.921	436.816.464
- Nguyên giá	228		1.146.800.300	1.130.137.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(898.545.379)	(693.321.236)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	11.207.921.857
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.418.415.330.022	1.221.447.051.198
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	1.490.818.590.000	1.350.818.590.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	98.025.000.000	98.025.000.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	12	73.063.276.252	73.063.276.252
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(243.491.536.230)	(300.459.815.054)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		25.624.867.043	49.763.073.637
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	16.718.575.727	43.477.749.344
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	5.495.162.603	4.611.719.580
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.411.128.713	1.673.604.713
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		7.183.975.080.806	5.693.387.431.794

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		4.467.327.282.834	3.170.191.371.423
I. Nợ ngắn hạn	310		1.449.778.958.351	1.310.047.131.750
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	588.529.154.689	770.824.341.253
2. Phải trả người bán	312		570.428.559.640	357.982.477.332
3. Người mua trả tiền trước	313		3.063.229.536	2.841.183.611
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	22.421.979.830	15.661.759.388
5. Phải trả người lao động	315		62.642.263.172	51.471.903.442
6. Chi phí phải trả	316	16	132.005.483.955	27.781.940.258
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	62.774.681.563	81.004.264.028
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.913.605.966	2.479.262.438
II. Nợ dài hạn	330		3.017.548.324.483	1.860.144.239.673
1. Phải trả dài hạn người bán	331	18	577.227.840.000	-
2. Phải trả dài hạn khác	333		-	2.257.357.729
3. Vay và nợ dài hạn	334	19	2.440.320.484.483	1.857.886.881.944
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		2.716.647.797.972	2.523.196.060.371
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	2.716.647.797.972	2.523.196.060.371
1. Vốn cổ phần	411		2.326.000.000.000	2.326.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		163.124.632.101	123.992.836.141
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		21.737.846.637	16.440.207.175
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6.435.442.171	3.786.622.440
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		199.349.877.063	52.976.394.615
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		7.183.975.080.806	5.693.387.431.794

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

- Đô la Mỹ ("USD")
- Euro ("EUR")
- Yên Nhật ("JPY")

	31/12/2013	31/12/2012
- Đô la Mỹ ("USD")	209.564	305.931
- Euro ("EUR")	408	419
- Yên Nhật ("JPY")	6.225.809	-



Võ Thị Thanh Tùng
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng



Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 14 tháng 3 năm 2014

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

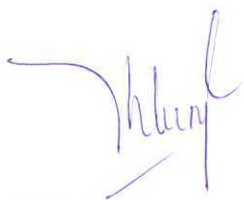
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.018.970.904.384	1.974.280.761.834
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	22	2.018.970.904.384	1.974.280.761.834
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	1.814.135.203.378	1.805.388.581.383
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		204.835.701.006	168.892.180.451
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	209.361.605.049	164.683.350.282
6. Chi phí tài chính	22	25	98.014.909.947	363.959.420.978
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.972.960.019	33.366.845.115
7. Chi phí bán hàng	24		7.020.000.000	2.827.717.137
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		54.949.268.609	52.728.446.459
9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		254.213.127.499	(85.940.053.841)
10. Thu nhập khác	31		4.001.172.689	459.504.798.751
11. Chi phí khác	32		3.075.576.681	314.657.225.657
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	26	925.596.008	144.847.573.094
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		255.138.723.507	58.907.519.253
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	56.672.289.467	9.060.338.160
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	(883.443.023)	(3.129.213.522)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		199.349.877.063	52.976.394.615



Võ Thị Thanh Tùng
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng



Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 14 tháng 3 năm 2014

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	255.138.723.507	58.907.519.253
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	105.278.142.915	114.626.575.702
- Các khoản dự phòng	03	(63.675.219.629)	219.408.149.597
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	414.161.361	36.248.828.455
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(88.071.908.776)	(216.504.572.871)
- Chi phí lãi vay	06	26.972.960.019	33.366.845.115
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	236.056.859.397	246.053.345.251
- Thay đổi các khoản phải thu	09	42.206.979.509	(100.344.900.429)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(39.650.123.794)	12.596.991.054
- Thay đổi các khoản phải trả	11	(43.787.659.349)	171.690.971.438
- Thay đổi chi phí trả trước	12	25.504.918.012	32.987.928.275
- Tiền lãi vay đã trả	13	(24.434.864.033)	(31.326.079.607)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(37.549.193.468)	(5.316.491.525)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	483.206.470	900.986.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.434.336.000)	(30.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	157.395.786.744	327.212.750.457
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(23.166.977.781)	(11.834.202.947)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	734.545.455	41.720.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(140.000.000.000)	(17.114.508.952)
4. Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	84.512.356.837	74.208.035.135
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(77.920.075.489)	86.979.323.236
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	787.476.776.500	8.962.692.227
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(407.457.850.320)	(293.456.113.707)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(8.640.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	380.018.926.180	(293.133.421.480)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	459.494.637.435	121.058.652.213
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	544.494.085.516	423.288.234.818
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	283.310.818	147.198.485
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.004.272.033.769	544.494.085.516

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định không bao gồm số tiền 416.496.000.000 đồng (năm 2012: 0 đồng) là số tiền phải thu về nhượng bán tài sản cố định trong năm 2012 và đã thu được trong năm 2013. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 678.694.191.225 đồng (năm 2012: 0 đồng), là số tiền dùng để mua tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT trong năm 2013 nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi trả lãi tiền vay trong năm không bao gồm số tiền 19.800.906.853 đồng (năm 2012: 4.790.570.536 đồng), là khoản lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia không bao gồm số tiền 6.338.703.805 đồng (năm 2012: 3.877.808.219 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.


Võ Thị Thanh Tùng
Người lập biểu


Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng


Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 3 năm 2014



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 665 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 587 người).

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty. Vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Thiết bị văn phòng	3
Phương tiện vận tải	6 - 25

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm cả chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Tổng Công ty nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản cổ tức nhận bằng tiền được ghi nhận giảm nguyên giá khoản đầu tư đối với phần phát sinh trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính đối với phần phát sinh kể từ ngày mua. Các khoản cổ tức nhận bằng cổ phiếu được theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán. Tổng Công ty không ghi nhận tăng khoản đầu tư cũng như doanh thu cổ tức cho khoản cổ tức bằng cổ phiếu này.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con được lập khi vốn góp thực tế của các bên tại công ty con lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con này.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được lập khi vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết này.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa lớn tàu, chi phí bảo hiểm tàu và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến năm năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó có thể đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh theo mục đích định trước.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	363.726.557	213.625.250
Tiền gửi ngân hàng	130.908.307.212	83.280.460.266
Các khoản tương đương tiền	873.000.000.000	461.000.000.000
	<u>1.004.272.033.769</u>	<u>544.494.085.516</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 6,8% đến 7% một năm (31 tháng 12 năm 2012: từ 8% đến 9% một năm).

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đang thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn ba tháng tại Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Chợ lớn với số tiền là 93 tỷ đồng như là một khoản thế chấp trong khi làm thủ tục chuyển đổi khoản vay để mua phương tiện vận tải từ Tổng công ty sang Công ty Cổ phần vận tải Dầu khí Hà Nội, công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội hình thành từ vốn vay này).

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (*)	211.569.369.524	309.940.850.672
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu (*)	112.023.642.694	8.437.351.644
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (*)	104.492.583.442	97.617.350.949
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (*)	57.305.584.425	29.533.000.100
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội (*)	25.972.673.885	37.728.468.004
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	11.322.946.521	22.862.593.193
Công ty TNHH PVTrans Emas	9.225.000.000	9.225.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Thủy bộ Dung Quất	-	4.340.584.809
Công ty Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	793.437.549	793.437.549
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (*)	-	1.082.470.451
Các khoản phải thu khác	17.385.256.030	26.505.612.223
	<u>550.090.494.070</u>	<u>548.066.719.594</u>

(*) Đây là các khoản phải thu liên quan chủ yếu đến các khoản thu hộ, chi hộ của Tổng Công ty với các bên liên quan. Ngoài ra, khoản phải thu khác từ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu bao gồm số tiền là 109.270.485.010 đồng là khoản tiền mà Tổng Công ty vay từ các ngân hàng thương mại và chuyển lại cho công ty này. Lãi vay được Tổng Công ty thanh toán và thu lại công ty này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhiên liệu	51.583.342.635	12.572.855.817
Công cụ, dụng cụ	9.918.535.351	9.586.931.777
Lương thực, thực phẩm	921.935.888	1.408.905.635
	62.423.813.874	23.568.693.229

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	-	109.270.485.010
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	1.811.966.449.200	1.138.939.954.651
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	64.852.242.840	89.664.567.350
	1.876.818.692.040	1.337.875.007.011

Phải thu dài hạn khác chủ yếu là các khoản phải thu các công ty con liên quan đến với các khoản vay mà Tổng Công ty vay từ các ngân hàng thương mại và chuyển lại cho các công ty con này. Lãi vay được Tổng Công ty thanh toán và thu lại các công ty này.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	4.609.524.068	1.072.447.796.384	1.077.057.320.452
Tăng trong năm	2.033.537.596	1.145.226.653.267	1.147.260.190.863
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.869.394.082)	(2.869.394.082)
Giảm khác (*)	(2.659.867.783)	-	(2.659.867.783)
Tại ngày 31/12/2013	3.983.193.881	2.214.805.055.569	2.218.788.249.450
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	(3.766.205.699)	(477.476.521.922)	(481.242.727.621)
Khấu hao trong năm	(509.235.191)	(104.536.443.032)	(105.045.678.223)
Thanh lý, nhượng bán	2.869.394.082	-	2.869.394.082
Giảm khác (*)	2.073.666.507	-	2.073.666.507
Tại ngày 31/12/2013	667.619.699	(582.012.964.954)	(581.345.345.255)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	4.650.813.580	1.632.792.090.615	1.637.442.904.195
Tại ngày 31/12/2012	843.318.369	594.971.274.462	595.814.592.831

(*) Điều chỉnh giảm giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định (nhỏ hơn 30.000.000 đồng) vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian 3 năm theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải của Tổng Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.067.377.500.000 đồng và 546.144.815.915 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 1.067.377.500.000 đồng và 594.498.822.743 đồng), và của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu – công ty con với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 230.618.985.639 đồng và 141.894.736.983 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 230.618.985.639 đồng và 155.848.009.656 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Thiết bị văn phòng và phương tiện vận tải bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 1.583.385.649 đồng và 3.716.958.882 đồng (31 tháng 12 năm 2012: lần lượt là 3.080.802.100 đồng và 3.716.958.882 đồng).

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu thực tế về vốn	Quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Tầng 4 tòa nhà ACE Tower, số 208 đường Thống Nhất, P.8, Vũng Tàu	99,85%	99,85%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyển dụng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	28 Nguyễn Thị Định, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	99,72%	99,72%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyển dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Tầng lửng, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, Q.1, TP. HCM	53,75%	53,75%	Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Tầng lửng, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, Q.1, TP. HCM	64,92%	64,92%	Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.
Công ty Cổ phần Sản phẩm khí Quốc tế	Tầng 9 tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Q.1, TP. HCM	67,74%	67,74%	Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển, dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo):

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu thực tế về vốn	Quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Phòng 1902, tầng 19, tòa nhà số 27, phố Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, Hà Nội	38,67%	73%	Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas: chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	22,63%	60%	Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa; mua bán phương tiện, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành giao. thông vận tải, sản phẩm gas LPG, CNG, LNG; đại lý kinh doanh xăng dầu; dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng; kinh doanh nhà hàng, khách sạn; kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; kinh doanh bãi đỗ xe, trạm dừng; đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhà máy thủy điện; kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải biển và mua bán phân bón.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	P806, lầu 08 Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1, Tp. HCM	62,34%	62,34%	Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	E1, Tôn Đức Thắng, phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	99,87%	99,87%	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Chi tiết số vốn đã góp vào các công ty con tại ngày kết thúc niên độ kế toán của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	156.000.000.000	76.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	107.800.000.000	77.800.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	205.632.000.000	205.632.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	612.000.000.000	612.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	203.209.000.000	203.209.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	38.670.000.000	38.670.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	52.037.720.000	52.037.720.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	107.869.870.000	77.869.870.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	7.600.000.000	7.600.000.000
	<u>1.490.818.590.000</u>	<u>1.350.818.590.000</u>

Tổng Công ty đã dùng khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng Citibank.

Trong năm, Tổng Công ty đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt với số tiền lần lượt là 80.000.000.000 đồng, 30.000.000.000 đồng và 30.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu là 99,85% (31/12/2012: 95% và 99,7%), tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội là 99,72% (31/12/2012: 97,25% và 99,62%) và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt là 62,34% (31/12/2012: 54,27%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tỷ lệ vốn góp thực tế của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long lần lượt là 38,67% và 22,63% trên tổng số vốn thực góp của các cổ đông (không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2012). Tuy nhiên, Tổng Công ty được các cổ đông khác ủy quyền lại quyền biểu quyết tại Hội đồng Quản trị. Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các công ty này, do đó, Tổng Công ty đã trình bày khoản đầu tư góp vốn vào các công ty này như một khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Chi tiết số vốn đã góp vào các công ty liên kết, liên doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH PVTrans Emas	1.025.000.000	1.025.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	97.000.000.000	97.000.000.000
	<u>98.025.000.000</u>	<u>98.025.000.000</u>

Công ty TNHH PVTrans Emas được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501702083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 2.050.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã góp 1.025.000.000 đồng, tương ứng với 50% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển, cầu kiện nổi; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 200 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã góp 97 tỷ đồng, tương ứng với 48,5% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
PV KEEZ Pte. Ltd.	63.052.276.252	63.052.276.252
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn	10.011.000.000	10.011.000.000
	73.063.276.252	73.063.276.252

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty được phép liên doanh với 3 công ty nước ngoài thành lập Công ty PV KEEZ PTE. LTD tại Singapore với mục đích cung cấp tàu chứa và xử lý dầu thô cho mỏ Chìm Sáo và Dừa. Tổng vốn đầu tư của dự án là 405 triệu đô la Mỹ, trong đó, vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 9 triệu đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã góp 3.205.425 đô la Mỹ.

Ngoài ra, Tổng Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn với số tiền 10.011.000.000 đồng, tương ứng khoản 1% vốn góp, không thay đổi so với vốn góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	16.009.657.909	41.849.807.529
Chi phí trả trước về công cụ dụng cụ	708.917.818	890.637.226
Chi phí dài hạn khác	-	737.304.589
	16.718.575.727	43.477.749.344

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	1.482.506.058	-	1.482.506.058
Chuyển sang lợi nhuận	2.878.857.934	250.355.588	3.129.213.522
Tại ngày 01/01/2013	4.361.363.992	250.355.588	4.611.719.580
Chuyển sang lợi nhuận	1.133.798.611	(250.355.588)	883.443.023
Tại ngày 31/12/2013	5.495.162.603	-	5.495.162.603

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	741.663.878	11.845.413.483
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.308.944.011	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.688.647.609	3.597.773.240
Thuế khác	682.724.332	218.572.665
	22.421.979.830	15.661.759.388

Tình hình tăng giảm khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước trong năm như sau:

	01/01/2013 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.845.413.483	33.624.607.299	44.728.356.904	741.663.878
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	480.113.982	480.113.982	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.187.488.348)	56.672.289.467	37.549.193.468	17.308.944.011
Thuế thu nhập cá nhân	3.597.773.240	22.133.955.516	22.043.081.147	3.688.647.609
Thuế nhà thầu	218.572.665	3.211.253.186	2.747.101.519	682.724.332
Thuế môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
Thuế khác	-	-	-	-
Tổng	10.474.271.040	116.130.219.450	107.555.847.020	22.421.979.830
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu	5.187.488.348			-
Thuế và các khoản phải nộp	15.661.759.388			22.421.979.830

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí sửa chữa lớn tàu Hercules (*)	36.031.600.000	-
Chi phí đóng tàu Mercury (**)	34.995.071.885	-
Chi phí sửa chữa tàu Kamari	25.451.456.400	-
Chi phí lãi vay	20.934.367.454	4.790.570.535
Phí bảo lãnh, quản lý	6.975.903.701	7.757.667.869
Phí hoa hồng, đại lý	6.186.423.043	6.343.263.691
Chi phí khác	1.430.661.472	8.890.438.163
	132.005.483.955	27.781.940.258

(*) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã thay đổi việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn định kỳ của tài sản cố định vào giá vốn từ phân bổ chi phí thực tế phát sinh sang trích trước chi phí. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc thay đổi này sẽ phù hợp hơn với dự toán và kế hoạch sửa chữa lớn tàu định kỳ và tạo ra đủ nguồn cho các kế hoạch sửa chữa này. Nếu Tổng Công ty thực hiện việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn này giống như trước đây, giá vốn trong năm 2013 và số dư chi phí phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm với số tiền là 36.031.600.000 đồng, theo đó, lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2013 sẽ tăng với số tiền tương ứng.

(**) Đây là khoản trích trước chi phí liên quan đến dự án đóng tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT (tàu Mercury) do Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất thực hiện. Tổng chi phí thực tế phát sinh tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.110.231.581.382 đồng và theo Quyết định số 89/QĐ-VTDK-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã ghi nhận tăng tài sản cố định theo giá trị dự toán được duyệt là 1.145.226.653.267 đồng. Giá trị của con tàu này sẽ được điều chỉnh dựa trên kết quả kiểm toán của dự án này cũng như phê duyệt từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty mẹ của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	40.792.642.219	40.292.144.396
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.779.274.721	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	2.170.498.266	23.911.745.698
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.807.924.894	1.932.417.188
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	861.155.068	936.661.191
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	326.512.148	4.614.030.493
Các khoản phải trả khác	12.036.674.247	9.317.265.062
	62.774.681.563	81.004.264.028

18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN

Phải trả dài hạn người bán là khoản công nợ với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan tới việc mua tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT trong năm 2013 với tổng giá trị hóa đơn là 618.458.400.000 đồng. Khoản công nợ này sẽ được trả trong vòng 15 năm bắt đầu từ năm 2014.

	31/12/2013
	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	41.230.560.000
Trong năm thứ hai	41.230.560.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	123.691.680.000
Sau năm năm	412.305.600.000
	618.458.400.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần phải trả người bán)	(41.230.560.000)
Số phải trả sau 12 tháng	577.227.840.000

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Chi tiết số dư các khoản vay và khoản nhận bảo lãnh tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Citi	1.419.966.449.200	1.138.939.954.651
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	466.402.688.068	442.402.688.068
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	392.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	97.099.104.375	159.820.171.875
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	27.059.500.000
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn	64.852.242.840	89.664.567.350
	2.440.320.484.483	1.857.886.881.944

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn các ngân hàng thương mại liên quan tới việc đóng tàu trọng tải 105.000 DWT với tổng hạn mức tín dụng là 871 tỷ đồng, 63.637.190 đô la Mỹ và 7.963.343.883 yên Nhật (tương đương 86.926.471 đô la Mỹ). Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty và doanh thu về cước tàu của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương và phần vốn góp của Tổng Công ty trong công ty này. Tổng Công ty phải chịu lãi suất lãi tiền vay từ 0,1% đến 7,35%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đang vay nợ với tổng số tiền là 730.766.676.868 đồng và 90.434.263 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 840.766.676.868 đồng và 85.896.928 đô la Mỹ).

Trong năm, Tổng Công ty đã nhận khoản bảo lãnh từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với tổng số tiền là 392 tỷ đồng theo hợp đồng Bảo lãnh số 732/HĐCBL-DKVN ký ngày 11 tháng 02 năm 2009 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 05 tháng 12 năm 2013. Theo đó, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cam kết cung cấp tín dụng cho Tổng Công ty như là một khoản bảo lãnh liên quan đến việc đóng tàu vận tải trọng tải 105.000 DWT của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương – Công ty con của Tổng Công ty. Khoản bảo lãnh này có tổng hạn mức là 627 tỷ đồng, được bảo đảm bằng một số phương tiện vận chuyển của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương và tài sản là tàu 105.000 DWT hình thành trong tương lai. Tổng Công ty chịu lãi suất 2,5%/ năm trên số dư nợ giảm dần và được hoàn trả trong thời gian 10 năm kể từ khi dự án đóng tàu trọng tải 105.000 DWT chính thức đi vào hoạt động (dự kiến năm 2015).

Các khoản vay dài hạn và nhận bảo lãnh được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	588.529.154.689	770.824.341.253
Trong năm thứ hai	335.979.209.588	321.942.940.680
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	807.184.749.534	775.948.876.065
Sau năm năm	1.297.156.525.361	759.995.065.199
	3.028.849.639.172	2.628.711.223.197
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(588.529.154.689)	(770.824.341.253)
Số phải trả sau 12 tháng	2.440.320.484.483	1.857.886.881.944

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Tại ngày 31/12/2013 và 31/12/2012	
	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	232.600.000	2.326.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	232.600.000	2.326.000.000.000
Cổ phần	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng + Cổ phần phổ thông	232.600.000	232.600.000
<u>Số lượng cổ phần đang lưu hành</u> + Cổ phần phổ thông	232.600.000	232.600.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ đông VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2012	2.326.000.000.000	(36.258.179.711)	92.113.213.281	12.189.590.794	1.661.314.249	42.596.163.813	2.438.302.102.426
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	52.976.394.615	52.976.394.615
Phân bổ vào kết quả kinh doanh	-	36.258.179.711	-	-	-	-	36.258.179.711
Phân phối quỹ	-	-	31.879.622.860	4.250.616.381	2.125.308.191	(38.255.547.432)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.340.616.381)	(4.340.616.381)
Tại ngày 31/12/2013	2.326.000.000.000	-	123.992.836.141	16.440.207.175	3.786.622.440	52.976.394.615	2.523.196.060.371
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	199.349.877.063	199.349.877.063
Phân phối quỹ (*)	-	-	39.131.795.960	5.297.639.462	2.648.819.731	(47.078.255.153)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(5.898.139.462)	(5.898.139.462)
Tại ngày 31/12/2013	2.326.000.000.000	-	163.124.632.101	21.737.846.637	6.435.442.171	199.349.877.063	2.716.647.797.972

(*) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung các quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ) và quỹ khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty với số tiền tương ứng 39.131.795.960 đồng, 5.297.639.462 đồng, 2.648.819.731 đồng và 5.898.139.462 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2013.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2013 và 31/12/2012	
	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.358.499.460.000	58,4
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam)	193.485.380.000	8,3

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi, và Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải - kinh doanh vận tải bằng tàu ;
Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi – kinh doanh cung cấp kho nổi cho mỏ dầu;
Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán**31/12/2013**

	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	3.008.050.416.947	152.967.555.703	458.270.331.820	3.619.288.304.470
Tài sản không phân bổ				3.564.686.776.336
Tổng tài sản				7.183.975.080.806
Nợ phải trả bộ phận	2.112.022.050.935	156.285.038.919	25.436.435.051	2.293.743.524.905
Nợ phải trả không phân bổ				2.173.583.757.929
Tổng nợ phải trả				4.467.327.282.834

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**2013**

	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.459.290.117.138	362.377.112.812	197.303.674.434	2.018.970.904.384
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng doanh thu	1.459.290.117.138	362.377.112.812	197.303.674.434	2.018.970.904.384
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả hoạt động kinh doanh	158.071.278.814	32.449.721.498	14.314.700.694	204.835.701.006
Chi phí không phân bổ				(61.969.268.609)
Lãi từ hoạt động kinh doanh				142.866.432.397
Doanh thu hoạt động tài chính				209.361.605.049
Lợi nhuận khác				925.596.008
Chi phí tài chính				(98.014.909.947)
Lợi nhuận trước thuế				255.138.723.507
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(56.672.289.467)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				883.443.023
Lợi nhuận trong năm				199.349.877.063
Thông tin khác				
Khấu hao				105.278.142.915

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)****Bảng cân đối kế toán****31/12/2012**

	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	1.844.701.987.401	346.806.989.095	687.673.726.798	2.879.182.703.294
Tài sản không phân bổ				2.814.204.728.500
Tổng tài sản				5.693.387.431.794
Nợ phải trả bộ phận	1.055.885.348.244	126.554.294.129	337.849.301.063	1.520.288.943.436
Nợ phải trả không phân bổ				1.649.902.427.987
Tổng nợ phải trả				3.170.191.371.423

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****2012**

	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.315.569.601.891	349.658.778.691	309.052.381.252	1.974.280.761.834
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác		-	-	-
Tổng doanh thu	1.315.569.601.891	349.658.778.691	309.052.381.252	1.974.280.761.834

Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh	89.058.322.705	56.628.249.243	23.205.608.503	168.892.180.451
Chi phí không phân bổ				(55.556.163.596)
Lãi từ hoạt động kinh doanh				113.336.016.855
Doanh thu hoạt động tài chính				164.683.350.282
Lợi nhuận khác				144.847.573.094
Chi phí tài chính				(363.959.420.978)
Lợi nhuận trước thuế				58.907.519.253
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(9.060.338.160)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				3.129.213.522
Lợi nhuận trong năm				52.976.394.615

Thông tin khác

Khấu hao				114.626.575.702
----------	--	--	--	-----------------

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và dịch vụ cho thuê kho nổi chứa dầu. Dịch vụ vận tải chủ yếu được thực hiện từ khu vực Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến các tỉnh lân cận. Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê kho nổi chủ yếu được thực hiện ở Vũng Tàu. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng rủi ro và lợi ích kinh tế của các hoạt động này không có sự khác biệt đáng kể trong các khu vực nội địa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dịch vụ vận tải	1.459.290.117.138	1.315.569.601.891
Dịch vụ kho nổi	362.377.112.812	349.658.778.691
Dịch vụ khác	197.303.674.434	309.052.381.252
	<u>2.018.970.904.384</u>	<u>1.974.280.761.834</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dịch vụ vận tải	1.301.218.838.324	1.226.511.279.186
Dịch vụ kho nổi	329.927.391.314	293.030.529.448
Dịch vụ khác	182.988.973.740	285.846.772.749
	<u>1.814.135.203.378</u>	<u>1.805.388.581.383</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, ủy thác đầu tư	55.376.463.321	44.541.943.354
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.100.891.696	253.177.798
Lợi nhuận được chia	31.960.900.000	22.745.900.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	112.923.350.032	97.142.329.130
	<u>209.361.605.049</u>	<u>164.683.350.282</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	26.972.960.019	33.366.845.115
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.429.310.134	1.588.148.168
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	414.161.361	36.248.828.455
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(56.174.841.275)	196.494.548.947
Chi phí tài chính khác	116.373.319.708	96.261.050.293
	<u>98.014.909.947</u>	<u>363.959.420.978</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2013 VND	2012 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	734.545.455	458.216.000.000
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm	3.070.726.066	1.179.794.915
Thu nhập khác	195.901.168	109.003.836
	<u>4.001.172.689</u>	<u>459.504.798.751</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	308.999.270.483
Phạt vi phạm hợp đồng	2.958.245.833	2.915.920.000
Phạt kê khai sai thuế của chi nhánh	-	2.454.766.677
Chi phí khác	117.330.848	287.268.497
	<u>3.075.576.681</u>	<u>314.657.225.657</u>
Lợi nhuận khác	<u>925.596.008</u>	<u>144.847.573.094</u>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	255.138.723.507	58.907.519.253
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(46.459.063.634)	(22.745.900.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	15.378.461.178	17.799.899.320
Thu nhập chịu thuế	224.058.121.051	53.961.518.573
Lỗ năm trước mang sang	-	(17.720.165.933)
Thu nhập tính thuế	224.058.121.051	36.241.352.640
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	56.014.530.263	9.060.338.160
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	657.759.204	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	<u>56.672.289.467</u>	<u>9.060.338.160</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>9.047.154.707</u>	<u>49.936.393.001</u>
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán không hủy ngang như sau:		
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	6.047.643.520	8.680.486.320
Từ năm thứ hai tới năm thứ năm	3.078.281.173	6.918.074.187
Sau năm năm	1.787.866.667	-
	<u>10.913.791.360</u>	<u>15.598.560.507</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng của Tổng Công ty. Các hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 3 năm.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	3.028.849.639.172	2.628.711.223.197
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.004.272.033.769	544.494.085.516
Nợ thuần	2.024.577.605.403	2.084.217.137.681
Vốn chủ sở hữu	2.716.647.797.972	2.523.196.060.371
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,75</u>	<u>0,83</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.004.272.033.769	544.494.085.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.968.955.546.754	2.793.403.588.307
Đầu tư tài chính	73.063.276.252	73.063.276.252
Các khoản ký quỹ	4.536.618.614	1.976.792.713
Tổng cộng	<u>4.050.827.475.389</u>	<u>3.412.937.742.788</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.028.849.639.172	2.628.711.223.197
Phải trả người bán và phải trả khác	1.210.431.081.203	441.244.099.089
Chi phí phải trả	132.005.483.955	27.781.940.258
Tổng cộng	<u>4.371.286.204.330</u>	<u>3.097.737.262.544</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc năm tài chính như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.768.467.955.750	1.946.133.188.908	1.941.058.957.237	1.862.428.069.189
Euro (EUR)	8.609.427	8.726.481	-	-
Yên Nhật (JPY)	1.257.308.667	-	-	-
Bảng Anh (GBP)	-	-	943.533.361	-
Đô la Singapore (SGD)	-	-	1.085.944.217	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Đô la Mỹ.

Tổng Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 5.177.730.045 đồng (năm 2012: tăng/(giảm) 2.511.153.592 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho đồng Euro, đồng Bảng Anh, đồng Đô la Singapore và đồng Yên Nhật thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất***

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

<u>31/12/2013</u>	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.004.272.033.769	-	-	1.004.272.033.769
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.092.136.854.714	1.281.133.030.081	595.685.661.959	2.968.955.546.754
Đầu tư tài chính	-	-	73.063.276.252	73.063.276.252
Các khoản ký quỹ	1.125.489.901	3.411.128.713	-	4.536.618.614
Tổng cộng	2.097.534.378.384	1.284.544.158.794	668.748.938.211	4.050.827.475.389
Các khoản vay	588.529.154.689	1.143.163.959.122	1.297.156.525.361	3.028.849.639.172
Phải trả người bán và phải trả khác	633.203.241.203	164.922.240.000	412.305.600.000	1.210.431.081.203
Chi phí phải trả	132.005.483.955	-	-	132.005.483.955
Tổng cộng	1.353.737.879.847	1.308.086.199.122	1.709.462.125.361	4.371.286.204.330
Chênh lệch thanh khoản thuần	743.796.498.537	(23.542.040.328)	(1.040.713.187.150)	(320.458.728.941)
<u>31/12/2012</u>	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	544.494.085.516	-	-	544.494.085.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.455.528.581.296	1.020.282.629.880	317.592.377.131	2.793.403.588.307
Đầu tư tài chính	-	-	73.063.276.252	73.063.276.252
Các khoản ký quỹ	303.188.000	1.673.604.713	-	1.976.792.713
Tổng cộng	2.000.325.854.812	1.021.956.234.593	390.655.653.383	3.412.937.742.788
Các khoản vay	770.824.341.253	1.097.891.816.745	759.995.065.199	2.628.711.223.197
Phải trả người bán và phải trả khác	438.986.741.360	2.257.357.729	-	441.244.099.089
Chi phí phải trả	27.781.940.258	-	-	27.781.940.258
Tổng cộng	1.237.593.022.871	1.100.149.174.474	759.995.065.199	3.097.737.262.544
Chênh lệch thanh khoản thuần	762.732.831.941	(78.192.939.881)	(369.339.411.816)	315.200.480.244

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn (ngắn hạn và dài hạn).

30. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan**

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương
 Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**Bên liên quan (Tiếp theo)**

Công ty TNHH PVTrans Emas
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC
 Tổng Công ty Dầu Việt Nam
 Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn
 Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Đại Hùng
 Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất
 Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam
 Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
 Trường Cao đẳng nghề Dầu khí
 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)

Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam

Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu

Công ty Xăng dầu Dầu Khí Miền Đông

Mối quan hệ (Tiếp theo)

Công ty liên doanh
 Công ty liên kết
 Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau đây với các bên liên quan:

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	8.961.513.453	9.888.702.691
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	11.001.818	6.610.233.343
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	30.882.306.281	50.019.490.487
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	45.419.178.076	106.558.829.859
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	55.500.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	194.432.283	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	450.000	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	339.294.861.210	-
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	1.102.593.751.356	1.080.832.437.134
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Đại Hùng	226.369.483.675	225.421.046.908
Ban quản lý nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.126.126.545	-
Công ty TNHH PVTrans Emas	248.791.857.041	197.548.563.388
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	20.086.227.175	21.714.622.335

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	2013 VND	2012 VND
Thu nhập hoạt động tài chính		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	7.265.424.900	5.837.656.857
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	3.897.980.401	5.324.847.113
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	99.802.245.224	84.401.508.351
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	20.320.900.000	20.320.900.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	11.640.000.000	2.425.000.000
Góp vốn trong năm		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	80.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	30.000.000.000	-
Mua tàu và dịch vụ đóng tàu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	589.008.000.000	-
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	504.000.000.000	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	5.790.721.688	4.905.740.662

Sổ dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	VND	VND
Vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	730.766.676.868	864.203.773.641
Phải thu thương mại		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	18.100.407.934	9.956.831.218
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	3.841.528.519	5.817.256.098
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	193.525.613.339	190.420.002.788
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	27.623.875.191	9.635.988.874
Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí Quốc Tế	147.383.058	-
Công ty TNHH PVTrans Emas	2.485.613	44.211.578.044
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	25.263.996.749	30.947.718.040
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	179.543.618.060	187.504.014.787
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	5.833.899.600
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	93.894.972.293	4.066.766.316
Ban quản lý nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.238.739.200	-
Trả trước cho người bán		
Công ty Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	-	433.440.000.000
	31/12/2013	31/12/2012

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

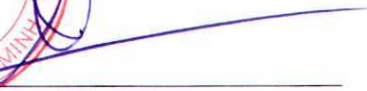
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	112.023.642.694	117.707.836.654
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	90.824.916.725	127.393.035.354
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	104.492.583.442	97.617.350.949
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	2.023.535.818.724	1.448.880.805.323
Công ty TNHH MTV Vận tải thủy bộ Dung Quất	-	4.340.584.809
Công ty Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	793.437.549	793.437.549
Công ty TNHH PVTrans Emas	9.225.000.000	9.225.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	57.305.584.425	29.533.000.100
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	11.322.946.521	22.862.593.193
Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt	-	1.082.470.451
Phải trả thương mại		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	1.224.542.362	1.967.428.748
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.663.408.011	6.418.950.949
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	58.224.829.135	57.089.230.793
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	253.699.292.059	156.780.453.536
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	2.831.477.000	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	2.728.328.780	170.224.232
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	697.817.760	623.729.544
Công ty TNHH PVTrans Emas	-	213.634.985
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	394.874.050	394.874.050
Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty		868.163.507
Cảng Dịch vụ Dầu khí	3.108.554.283	
Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Dầu Khí Vũng Tàu	4.896.760.814	6.225.022.551
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	365.714.353
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	630.970.625.440	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí		51.819.185
Miền Nam	66.494.402	
Công ty Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	77.098.405.834	-
Công ty Bảo Hiểm Dầu khí Phía Nam	358.747.721	358.747.721
Trường cao đẳng nghề Dầu khí	195.200.000	
Công ty Xăng dầu Dầu Khí Miền Đông	693.000.000	693.000.000
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	-	2.298.830.807
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	326.512.148	4.614.030.493
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.807.924.894	1.932.417.188
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	40.792.642.219	40.292.144.396
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	2.170.498.266	23.911.745.698
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	861.155.068	936.661.191
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.779.274.721	-


Võ Thị Thanh Tùng
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng


Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 14 tháng 3 năm 2014